

Bản án số: 08/2026/DS-ST

Ngày: 02/3/2026

“V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Loan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Ngọc Phượng;

2. Bà Nguyễn Thị Hiệp.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Công - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:* Bà Lương Thị Lan Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 02/3/2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 242/2025/TLST- DS ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/QĐST- DS ngày 12/01/2026; quyết định hoãn phiên tòa số 75/2026/QĐST- DS ngày 04/2/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng N**;

Trụ sở: **Số B L, phường G, Thành phố Hà Nội.**

Đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Toàn V** – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà **Hoàng Thị M** – Chức vụ: Phó giám đốc phụ trách điều hành **phòng G – A Chi nhánh K** (có mặt);

Địa chỉ trụ sở: **Số C (cũ 60) đường T, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.**

- *Các bị đơn:* 1. Anh **Nguyễn Quang Đ**, sinh năm 1986 (vắng mặt);

2/ Chị **Y S**, sinh năm 1984 (có mặt);

Cùng địa chỉ: **Thôn K, xã N, tỉnh Quảng Ngãi.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2025 và lời khai tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - **Ngân hàng N** trình bày:*

Vào ngày 12/05/2021, ông **Nguyễn Quang Đ** và bà **Y S** (bà **Y S** uỷ quyền cho ông **Nguyễn Quang Đ** theo giấy uỷ quyền ngày 12/5/2021) có ký kết hợp đồng tín dụng số 5107LAV202100480 với **Ngân hàng N – Chi nhánh K – phòng G** (sau đây, gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Mục đích vay vốn: Nuôi bò sinh sản; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất cho vay: 9,5%/năm, lãi chậm trả: 10%/năm. Định kỳ trả gốc: 04 kỳ; (kỳ 01 vào ngày 12/5/2023 số tiền 5.000.000 đồng; kỳ 02 vào ngày 12/5/2024 số tiền 10.000.000 đồng; kỳ 03 vào ngày 12/5/2025 số tiền 15.000.000 đồng; kỳ 04 vào ngày 12/5/2026 số tiền 170.000.000 đồng); định kỳ trả lãi 06 tháng 01 lần.

Tuy nhiên, sau đó, ông **Đ** và bà **Y S** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo đúng cam kết, vi phạm các điều khoản hợp đồng tín dụng mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nợ. Tính đến ngày 07/01/2026, ông **Đ** và bà **Y S** còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 235.669.283 đồng (Trong đó, nợ gốc: 180.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 50.082.618 đồng, nợ lãi quá hạn: 345.205 đồng, lãi chậm trả: 5.241.460 đồng). Vì vậy, Ngân hàng tiến hành khởi kiện thu hồi nợ đối với ông **Đ** và bà **Y S**, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Đ** và bà **Y S** phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho ngân hàng với tổng số tiền tạm tính đến ngày 02/3/2026 là 239.186.457 đồng (Trong đó, nợ gốc: 180.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 52.967.958 đồng; nợ lãi quá hạn và chậm trả là 6.218.499 đồng) và khoản tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng từ ngày 03/3/2026 cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn - bà **Y S** trình bày: Tôi và anh **Nguyễn Quang Đ** có vay **Ngân hàng N – Chi nhánh K – phòng G** số tiền 200.000.000 đồng, mục đích để chăn nuôi, lãi suất vay 9,5%, thời hạn vay là 60 tháng. Do làm ăn không hiệu quả dẫn đến chúng tôi đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Nay ngân hàng yêu cầu chúng tôi trả nợ gốc và lãi như trên, chúng tôi đồng ý trả nhưng kinh tế khó khăn không có tiền trả ngay. Chồng tôi - anh **Nguyễn Quang Đ** đã nhận được quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bận công việc nên không tham gia phiên tòa được. Anh **Đ** cũng đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng như ý kiến của tôi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn - ông **Đ** được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng không tham gia tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **Đ** theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn - ông **Đ** và bà **Y S** phải **liên đới** trả các khoản nợ gốc và lãi tính đến ngày 02/3/2026 là 239.186.457 đồng cho Ngân hàng và tiền lãi

phát sinh cho đến khi trả nợ xong. Về án phí: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quang Đ và bà Y S có địa chỉ thường trú tại Thôn K, xã N, tỉnh Quảng Ngãi trả số tiền đã vay và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi.

Ông Nguyễn Quang Đ đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của vụ án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, ông Đ đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt ông Đ.

[2] Về nội dung vụ án: Giữa Ngân hàng N – Chi nhánh K – phòng G với ông Nguyễn Quang Đ và bà Y S (bà Y S có văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Quang Đ thực hiện việc vay vốn tại ngân hàng vào ngày 12/5/2021) có ký kết hợp đồng tín dụng số 107LAV202100480 vào ngày 12/5/2021. Xét thấy: Hai bên xác lập giao dịch trên cơ sở tự nguyện. Tại thời điểm xác lập giao dịch, hai bên đều có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự; nội dung và mục đích giao dịch không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên theo quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 và 463 Bộ luật Dân sự 2015, các giao dịch trên có hiệu lực kể từ thời điểm ký kết.

Hợp đồng tín dụng nói trên giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Quang Đ và bà Y S là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi. Đến hạn trả nợ nhưng ông Đ và bà Y S đã được ngân hàng Đ1 việc trả nợ nhưng bị đơn không thực hiện dẫn đến vi phạm hợp đồng (Điều 5, Điều 6 của hợp đồng tín dụng số 107LAV202100480 ngày 12/5/2021 và phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ, ngày 12/5/2021), vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi (lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phạt) của bên vay theo thỏa thuận tại hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 280, 282 và khoản 1 và khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Đồng thời, bị đơn - bà Y S cũng đã thừa nhận khoản vay trên và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông Đ và bà Y S phải trả nợ cho Ngân hàng các khoản nợ tính đến ngày 02/3/2026 là 239.186.457 đồng (Trong đó, nợ gốc: 180.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 52.967.958 đồng; nợ lãi quá hạn và chậm trả là 6.218.499 đồng) và khoản tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng từ ngày 03/3/2026 cho đến khi trả hết nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông Đ và bà Y S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 275, 280, 282, 463, 466 Bộ luật dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2025 của Ngân hàng N.

Buộc ông Nguyễn Quang Đ và bà Y S phải liên đới trả cho Ngân hàng N (thông qua – Chi nhánh K – phòng G) số tiền nợ gốc và các khoản lãi tính đến ngày 02/3/2036 là 239.186.457 đồng (*Hai trăm, ba mươi chín triệu, một trăm tám mươi sáu ngàn, bốn trăm năm mươi bảy đồng*, trong đó, nợ gốc: 180.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 52.967.958 đồng; nợ lãi quá hạn và chậm trả là 6.218.499 đồng) và khoản tiền lãi quá hạn đối với nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 03/3/2026 cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là: Căn cứ Điều 144; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Quang Đ và bà Y S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.959.322 đồng (*mười một triệu, chín trăm năm mươi chín ngàn, ba trăm hai mươi hai đồng*). Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 5.732.599 (*Năm triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm chín mươi chín đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002492 ngày 21/11/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Quảng Ngãi.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/3/2026). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- Phòng THA dân sự khu vực 7 – Quảng Ngãi
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Phương Loan